

Số: 164/BC-UBND

Giao Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính Quý III năm 2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trong Quý I, 6 tháng, quý III năm 2025, UBND xã Giao Minh đã quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác cải cách hành chính (CCHC); ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai kế hoạch, tổ chức hội nghị quán triệt, kiểm tra, giám sát, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức cũng như người dân. Công tác điều hành được thực hiện đồng bộ, gắn với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

- UBND xã đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến công tác CCHC, cụ thể:

+ Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 30/7/2025 về việc cải cách hành chính xã Giao Minh 6 tháng cuối năm 2025.

+ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 về việc thành lập BCĐ về cải cách hành chính;

+ Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 về việc thành lập Tổ giúp việc BCĐ cải cách hành chính;

+ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 về việc ban hành Quy chế hoạt động của BCĐ CCHC.

- Hàng tháng BCĐ, tổ giúp việc tổ chức các hội nghị giao ban, chuyên đề để quán triệt thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC

2. Về Kế hoạch CCHC năm 2025

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 30/7/2025 về cải cách hành chính xã Giao Minh 6 tháng cuối năm 2025.

Theo Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2025 của UBND xã Giao Minh, tổng số nhiệm vụ cần triển khai trong 6 tháng cuối năm là 40 nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kế hoạch. Đến thời điểm báo cáo Ủy ban nhân dân đã tập trung chỉ đạo thực hiện 25/40 nhiệm vụ đạt tỉ lệ 62,5% kế hoạch đề ra; số nhiệm vụ và các hoạt động còn lại thực hiện trong năm 2025 nên chưa có kết quả đánh giá cụ thể.

3. Công tác kiểm tra CCHC

Ủy ban nhân dân xã đang xây dựng kế hoạch về tự kiểm tra công tác cải cách hành chính 6 tháng cuối năm 2025.

Theo Kế hoạch sẽ tiến hành kiểm tra vào quý III, quý IV của năm 2025.

4. Công tác thông tin, tuyên truyền CCHC

- Ủy ban nhân dân xã Giao Minh đã ban hành nhiều tin bài về công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trong 6 tháng cuối năm 2025

- Hình thức triển khai: Ngoài việc lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các hội nghị giao ban định kỳ, UBND xã tổ chức phổ biến các quyết định của UBND tỉnh về công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền thông qua nhiều kênh: Cổng Thông tin điện tử, Trung tâm phục vụ Hành chính công, các nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo) của cơ quan, xóm, khối,... nhằm bảo đảm tính rộng rãi, kịp thời và hiệu quả.

5. Thực hiện các nhiệm vụ do cấp trên giao

Trong quý III/2025, UBND xã Giao Minh đã triển khai đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo chỉ đạo của cấp trên, đạt kết quả cụ thể như sau:

- Ban hành kế hoạch và quyết định để triển khai công tác CCHC, kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và đẩy mạnh giải quyết TTHC trên môi trường điện tử.

- Công khai danh mục TTHC thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của UBND xã, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận và thực hiện thủ tục.

- Ban hành, triển khai các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, đơn vị trực thuộc, bảo đảm hoạt động thống nhất, rõ trách nhiệm.

- Triển khai nhiều văn bản chỉ đạo, giải pháp nhằm: thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; nâng cao tỷ lệ hồ sơ TTHC nộp và xử lý trực tuyến; bảo đảm chế độ báo cáo định kỳ, kịp thời về công tác CCHC; tăng cường tiếp cận thông tin, bản tin điện tử CCHC.

- Chủ động xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật, thực hiện công tác pháp chế, báo cáo tình hình thi hành Luật Nuôi con nuôi, công tác chứng thực, phục vụ khảo sát chuyển giao thẩm quyền chứng thực cho tổ chức hành nghề công chứng theo yêu cầu của Sở Tư pháp tỉnh.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng kế hoạch và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, định hướng tuyên truyền, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và trách nhiệm của cán bộ, nhân dân.

Nhìn chung, các nhiệm vụ CCHC được cấp trên giao đã được UBND xã thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

6. Mô hình, sáng kiến trong CCHC

Trong thời gian qua, UBND xã Giao Minh đã quan tâm triển khai nhiều mô

hình, sáng kiến mới nhằm nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, lấy sự hài lòng của người dân và tổ chức làm thước đo. Một số mô hình, giải pháp được thí điểm, nhân rộng và bước đầu mang lại hiệu quả tích cực gồm:

- Niêm yết công khai TTHC bằng mã QR code: Các thủ tục hành chính được công khai minh bạch tại Trung tâm và trên cổng thông tin điện tử, kèm mã QR code để tra cứu nhanh. Hình thức này giúp người dân dễ dàng tiếp cận quy trình, biểu mẫu, tiết kiệm thời gian và hạn chế sai sót.

- Sáng kiến hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến: Trước thực tế nhiều công dân chưa quen thao tác, cán bộ Trung tâm đã trực tiếp hỗ trợ nhập hồ sơ trực tuyến cho công dân, góp phần nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công mức độ cao.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng: hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tiếp cận nền tảng số, góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và kỹ năng số trong cộng đồng.

- Tổ ứng cứu sự cố công nghệ thông tin: kịp thời xử lý, khắc phục các lỗi hệ thống, đảm bảo vận hành thông suốt Cổng TTĐT, Hệ thống Một cửa điện tử và các nền tảng phục vụ cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Cải cách thể chế

- Tình hình triển khai và kết quả xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): Trong quý III, UBND xã chưa ban hành Văn bản QPPL nào.

- Tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật: Chỉ đạo, hướng dẫn công chức chuyên môn tự kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật và công tác quản lý thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND xã yêu cầu các phòng ban chuyên môn đăng ký nội dung tuyên truyền về việc đăng ký nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Giao Minh.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: UBND xã chưa thực hiện

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, địa phương (Tổng số TTHC cấp xã: 304).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC: kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy trình, quy định.

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa :

Về Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng: Đảm bảo đáp ứng giải quyết công việc.

Về nhân sự: Trung tâm Phục vụ hành chính công có 06 công chức đáp ứng nhu cầu công việc.

Về cơ chế phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công phối hợp các phòng ban chuyên môn giải quyết thủ tục hành chính nhịp nhàng và hiệu quả.

+ Công khai TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và trang thông tin điện tử đơn vị, địa phương. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai trên bảng niêm yết thủ tục hành chính của xã.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại đơn vị, địa phương: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết 1512/1512 đạt 100%.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: không có

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: không có ý kiến kiến nghị, phản ánh khi đến thực hiện Thủ tục hành chính tại xã.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: UBND xã đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ Trung tâm phục vụ Hành chính công và các cơ quan chuyên môn.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức. Biên chế công chức giao năm 2025: 41 biên chế; tính đến ngày báo cáo đã sử dụng 35/41 biên chế (85,36%).

- Về tình giảm biên chế: Căn cứ quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, xã đã giải quyết tình giảm biên chế cho 02 chuyên viên đăng ký nghỉ đợt 01/9/2025.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở cơ quan, địa phương: các quy định về phân cấp quản lý nhà nước luôn được Ủy ban nhân dân xã thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, số lượng CBCC cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp gọn cơ học, công chức cấp huyện được phân bổ về các xã, dẫn đến nhiều công chức bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn mới, tự học hỏi, nghiên cứu lại từ đầu, gặp nhiều khó khăn như:

Công tác bàn giao các công việc chuyên môn các xã trước khi sắp xếp không nêu được chi tiết những nội dung cần phải tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện.

Việc cung cấp số liệu chuyên môn theo lĩnh vực của các xã chưa được cụ thể, công chức được giao phụ trách tự đi xin số liệu của từng người phụ trách nên gây rất nhiều khó khăn, do công tác lưu trữ tài liệu không được đầy đủ.

Nhiều vị trí công tác công chức lần đầu phụ trách không hướng dẫn thêm nội dung nên đây khó khăn cho quá trình triển khai thực hiện (khó khăn bước đầu khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp do chưa nắm được nội dung công việc cần

thực hiện).

Văn bản của cấp tỉnh triển khai chỉ đạo thời gian gấp (văn bản vừa nhận được đã hết hạn nộp), chuyên môn không có thời gian nghiên cứu văn bản;

4. Cải cách chế độ công vụ công chức

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Biên chế hành chính 37/41 đạt 90,24% kế hoạch. Sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp, căn cứ biên chế CBCC được giao, UBND xã đã thực hiện giao biên chế cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã theo số lượng công chức hiện có.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): Không có.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: không có

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Không có.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: Nhìn chung, CBCCVC thực hiện tốt kỷ luật kỷ cương hành chính, chấp hành tốt giờ giấc làm việc, trong quý III không có tình trạng cán bộ công chức viên chức vi phạm bị xử lý kỷ luật.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện theo các văn bản, UBND xã đã cử các cán bộ công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn lớp bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ trong thực thi công vụ.

5. Cải cách tài chính công

* Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương.

- Tổng vốn đầu tư công năm 2025 được giao: 2.520 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn kéo dài sang năm 2025: 0 triệu đồng;

+ Vốn kế hoạch năm 2025: 2.520 triệu đồng.

- Tình hình giải ngân tháng 8 năm 2025: Số giải ngân: 0 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn kéo dài sang năm 2025: 0 triệu đồng;

+ Vốn kế hoạch năm 2025: 0 triệu đồng.

- Thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao.

+ Thu chuyên nguồn: 850.999.921 đồng;

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 84.043.000.000 đồng.

- Tổng chi ngân sách: 88.889.000.000 đồng (Trong đó: Chi thường xuyên 86.369.000.000 đồng)

- Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND xã Giao Minh đã ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công theo

đúng quy định pháp luật. Các văn bản được ban hành kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, hạn chế lãng phí, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.

- Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: UBND xã đã thực hiện giao tự chủ cho 9/9 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã.

- Thực hiện của đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Trường mầm non Giao Thanh Tổng chi: 4.628.503.000 đồng.

+ Trường mầm non Giao Hương Tổng chi: 4.194.238.000 đồng.

+ Trường mầm non Giao Thiện Tổng chi: 6.127.913.000 đồng.

+ Trường Tiểu học Giao Thanh Tổng chi: 5.733.230.000 đồng.

+ Trường Tiểu học Giao Hương Tổng chi: 5.337.896.000 đồng.

+ Trường Tiểu học Giao Thiện Tổng chi: 7.856.823.000 đồng.

+ Trường THCS Giao Thanh Tổng chi: 5.757.357.000 đồng.

+ Trường THCS Giao Hương Tổng chi: 5.663.438.000 đồng.

+ Trường THCS Giao Thiện Tổng chi: 7.693.869.000 đồng

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Để thực hiện tốt công tác liên quan đến lĩnh vực Chính quyền điện tử, Chính quyền số, từ khi thành lập UBND xã đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện¹. Trong đó đề ra các mục tiêu cụ thể về Ứng dụng CNTT trong cơ quan nội bộ, Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp và an toàn thông tin mạng. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan liên quan, các đơn vị trực thuộc. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai xây dựng Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng năm 2025 phù hợp với điều kiện của địa phương.

Bên cạnh đó để xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Thực hiện theo văn bản của cấp trên, UBND xã đã ban hành 24 Quyết định thành lập Tổ chuyên đổi số cộng đồng xóm thực hiện tuyên truyền các nhiệm vụ nền tảng Công dân số, công tác bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng...

6.1. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nội bộ

- 100% văn bản gửi đi của các cơ quan, đơn vị được gửi dưới dạng điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản ioffice (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

+ Tổng số văn bản đi 435, văn bản đi hoàn toàn điện tử 435 =100%. Trong đó: Tỷ lệ văn bản đi có ký số: 435 =100%. Tỷ lệ văn bản đi không ký số: Không.

- 100% các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã và người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được cung cấp và sử dụng chữ ký số trong hoạt động công vụ. Chữ ký số chuyên dùng bao gồm 5 chứng thư số tổ chức, 38 chứng thư số cá nhân (gồm 36 của cá nhân cán bộ, công chức và 1 của văn thư UBND và 1 văn thư phòng

VHXH)

- 100 % cơ quan chuyên môn, cán bộ công chức có chữ ký số điện tử, gmail công vụ.

- Đảm bảo 100% cán bộ, công chức UBND xã được trang bị máy tính để phục vụ công việc và kết nối mạng Internet, đáp ứng xây dựng chính quyền điện tử; máy tính của cán bộ, công chức chưa được cài đặt phần mềm diệt Virus.

- 100% hồ sơ công việc tại UBND xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi, danh mục bí mật nhà nước).

- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã tiếp tục sử dụng hiệu quả các phần mềm chuyên ngành đã có; tăng cường nghiên cứu, học hỏi, ứng dụng các phần mềm phục vụ cho công việc nhằm ứng dụng đầy mạnh CNTT, nâng cao năng suất lao động, hiện đại hóa công tác chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

6.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Triển khai thực hiện cung cấp các thông tin theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng trên trang thông tin điện tử xã đảm bảo đúng quy định, các hoạt động của xã được đăng tải thường xuyên trên trang thông tin điện tử và fanpage Facebook.

- 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được thực hiện trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại đơn vị, địa phương: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết 1512/1512 đạt 100%.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ cập tin học, nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

6.3. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng - Triển khai đầy đủ các hướng dẫn phòng chống mã độc của cấp tỉnh đến các cơ quan, đơn vị. - Hạ tầng kỹ thuật CNTT và truyền truyền của xã cơ bản đáp ứng được nhu cầu CNTT trên địa bàn. Trang thiết bị phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đã được các cơ quan, đơn vị đầu tư mua sắm và trang bị, cấu hình của các máy vi tính phù hợp với điều kiện làm việc của các cơ quan, đơn vị.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Thực hiện đúng quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, công tác kiểm tra, rà soát văn bản được triển khai thường xuyên.

- Công tác tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính, tỷ lệ hồ tiếp nhận sơ trực tuyến một phần và toàn trình qua cổng dịch vụ công cao, tỷ lệ thanh toán trực tuyến cao.

- Việc niêm yết địa chỉ tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức về quy định hành chính được thực hiện nghiêm túc.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

- Còn số ít cán bộ, công chức một số đơn vị chưa thật sự quan tâm và dành thời gian thỏa đáng cho công tác này, chưa coi hoạt động kiểm soát TTHC là một trong những nhiệm vụ chính của cơ quan, đơn vị. Vì vậy, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC còn hạn chế.

- Công tác thông tin tuyên truyền đến người dân vẫn chưa được sâu, rộng nên người dân ít sử dụng dịch vụ trực tuyến; phần lớn người dân vẫn có thói quen đến trực tiếp các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính để làm trực tiếp, tâm lý còn e ngại; sợ mất giấy tờ gốc khi sử dụng dịch vụ và chưa quen khi đến Bưu điện để gửi hồ sơ và nhận kết quả thủ tục hành chính. Một số thủ tục hành chính có yêu cầu cao về mặt hồ sơ người dân vẫn muốn gặp trực tiếp cơ quan giải quyết TTHC để được tư vấn.

- Mạng internet đôi khi chưa ổn định, chậm, yếu, cơ sở vật chất mới chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu để thực hiện nhiệm vụ.

3. Nguyên nhân

- Khối lượng công việc lớn, nhiều nhiệm vụ mới phát sinh do thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp, trong khi nhân lực còn hạn chế.

- Hạ tầng kỹ thuật, đường truyền đôi khi chưa ổn định, ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến.

- Nhận thức, kỹ năng số của một bộ phận người dân chưa đồng đều, nên việc triển khai dịch vụ công trực tuyến còn gặp khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG QUÝ IV

Trong thời gian tới, địa phương tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ CCHC, trọng tâm là:

- Quyết liệt hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ CCHC của năm 2025, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra.

- Tăng cường rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Nâng cao kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm, tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, phát huy năng lực, kỹ năng ứng dụng CNTT.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và tham gia tích cực của nhân dân trong thực hiện CCHC.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC, địa phương kiến nghị:

- UBND tỉnh, các sở, ngành tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ CCHC.

- Có chính sách, nguồn lực hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng chuyên đổi số cho cấp xã.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở.

- Tăng cường phân cấp, ủy quyền hợp lý để phát huy tính chủ động, linh hoạt trong triển khai nhiệm vụ CCHC tại địa phương.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác Cải cách hành chính quý III, nhiệm vụ Quý IV năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Giao Minh./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Phòng CCHC (để báo cáo)
- Chủ tịch, Các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.



Nguyễn Viết Sự

Phụ lục IV

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
QUÝ I, 06 THÁNG, QUÝ III, NĂM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày tháng năm 2025 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I, 06 THÁNG, QUÝ III, NĂM
CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-..... ngày .../.../... của UBND xã, phường ...)

STT	Chi tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I	Công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)			
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	3	
2	Mức độ hoàn thành các kế hoạch CCHC			
2.1	Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh			
2.1.1	Tổng số nhiệm vụ được giao trong kế hoạch	Nhiệm vụ	43	
2.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ	17	
2.1.3	Số nhiệm vụ đến hạn chưa hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ		
2.1.4	Số nhiệm vụ được giao chưa đến hạn hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ	26	
2.2	Kế hoạch CCHC của UBND xã, phường			
2.2.1	Tổng số nhiệm vụ được giao trong kế hoạch	Nhiệm vụ	40	
2.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ	25	
2.2.3	Số nhiệm vụ chưa hoàn thành (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Nhiệm vụ	15	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số đơn vị đã kiểm tra	Đơn vị	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.1.1	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.1.3	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Số dung trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0; Phát phiếu = 1; Kết hợp = 2;	0	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0; Có = 1	0	
II Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản	0	
2.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	= b/a*100	
3.2.1	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản	a	
3.2.2	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản	b	
III Cải cách thủ tục hành chính				
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	304	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	0,92	
2.2	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	28	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	Hồ sơ	1,512	
3.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	Hồ sơ	1,512	
3.2	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.2.1	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	PAKN	0	
3.2.2	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	PAKN	0	
IV Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.1	Việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Đã hoàn thành = 1 Chưa = 0		
1.2	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Đơn vị		
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	41	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	35	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	287	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	274	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Đơn vị	9	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		=a+b+c	
4.1	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI	Cải cách tài chính công			
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	9	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	0	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
3.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chi thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	216	
4.1.2	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	216	
4.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	82,14	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	28	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	23	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	
4.3.1	Tổng số hồ sơ DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	1,224	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	1,224	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	100	
4.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	288	
4.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	288	
4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	1,512	
4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1,512	